

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 29/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị N – sinh năm 1995

HKTT: LB, TS, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Đ – sinh năm 1993

HKTT: LB, TS, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 51, 55, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh Đ.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị N và anh Đ thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh chị chưa có con chung.

- **Về tài sản chung, công sức, nợ nần:** Chị N và anh Đ không yêu cầu Toà án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị N tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 004206 ngày 20/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ. Hoàn trả lại chị N số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Tiên Lữ;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lữ;
- UBND xã Thi Sĩ (GCNKH số 83);
- Phòng KTNV TA Tỉnh Hưng Yên
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hương